

Bản án số: **16/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 28 - 5 - 2018
V/v "*Tranh chấp xin ly hôn*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Tấn Đầu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Danh Minh Hòa**

2. Ông **Vũ Văn Hợp**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lý Văn Toán** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang:
Ông **Lâm Sển** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 117/2018/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018 về việc "*Tranh chấp xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Lê Ngọc H**, sinh năm 2000. (có mặt)

Địa chỉ: ấp BL, xã MH, huyện CT, tỉnh KG.

2. Bị đơn: Anh **Danh P**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: ấp HT, xã MH, huyện CT, tỉnh KG.

Có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 4 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm chị Trần Lê Ngọc H trình bày: Vào năm 2017 chị và anh Danh P tự nguyện yêu thương nhau và chung

sống với nhau, có làm lễ cưới và nhưng không có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Anh chị chung sống rất hòa thuận nhưng không có con chung. Nhưng đến khoảng 10 ngày sau khi cưới thì giữa chị và anh xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng vẫn mâu thuẫn nhau. Đến nay cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện xin ly hôn.

Tại phiên tòa chị H có yêu cầu

- Về hôn nhân: Chị H xin được ly hôn với anh Danh P
- Về việc nuôi con chung: Không có không yêu cầu giải quyết
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 04/5/2018 và trong biên bản hòa giải anh Danh P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung, anh P xác nhận đúng như chị H trình bày và anh P có ý kiến:

- Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị Trần Lê Ngọc H.
- Về việc nuôi con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý hồ sơ, quá trình giải quyết và tại phiên tòa thì Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật; Về nội dung vụ án: xét thấy việc yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Trần Lê Ngọc H là có căn cứ đề nghị hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Lê Ngọc H thực hiện quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35,

điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh KG.

[2] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp, nguyên đơn chị Trần Lê Ngọc H yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Danh P. Nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định trong vụ án là “*Tranh chấp ly hôn*”.

[3] - Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn anh Danh P đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt xét xử hợp lệ tuy nhiên do bận nhiều công việc nên anh P đã có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Lê Ngọc H cũng thống nhất việc xét xử vắng mặt bị đơn anh Danh P theo quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Danh P.

[4] - Về nội dung vụ án: Nguyên đơn chị Trần Lê Ngọc H cho rằng vào năm 2017, chị và anh Danh P tự nguyện yêu thương nhau và chung sống với nhau, có làm lễ cưới và nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (có xác nhận của chính quyền địa phương). Trong quá trình chung sống thì hai bên đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên chị H xin ly hôn với anh P, còn đối với con chung thì không có, tài sản chung thì hai bên đã tự thỏa thuận không yêu cầu tòa giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Trần Lê Ngọc H và anh Danh P chung sống với nhau vào năm 2017 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và có làm lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân không hợp pháp, vì đã vi phạm khoản 01 Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 01 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Do đó HĐXX cần xử không công nhận mối quan hệ giữa chị Trần Lê Ngọc H và anh Danh P là vợ chồng, là phù hợp pháp luật.

[5] - Về con chung: Chị Trần Lê Ngọc H và anh Danh P xác nhận trong thời gian chung sống thì anh chị không có con chung nên không yêu cầu giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét

[6] - Về tài sản chung: Chị Trần Lê Ngọc H và anh Danh P xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét

[7] - Về nợ chung: Chị Trần Lê Ngọc H và anh Danh P đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] - Về ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ, nên ghi nhận để xem xét.

[9] - Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc nguyên đơn chị Trần Lê Ngọc H phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng chị H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003674 ngày 19/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 01 Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

[1] - Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa chị Trần Lê Ngọc H và anh Danh P là vợ chồng.

[2] - Về con chung: Chị Trần Lê Ngọc H và anh Danh P xác nhận trong thời gian chung sống thì anh chị không có con chung nên không yêu cầu giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét

[3] - Về tài sản chung: Chị Trần Lê Ngọc H và anh Danh P xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét

[4] - Về nợ chung: Chị Trần Lê Ngọc H và anh Danh P đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] - Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc nguyên đơn chị Trần Lê Ngọc H phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng chị H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003674 ngày 19/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

[6] - Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu: hồ sơ, V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Tấn Đầu